TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2017/HS- PT
Ngày 13/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Loan;

Các thẩm phán: 1. Ông Hoàng Đức Trường;
2. Ông Mai Văn Hùng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Phúc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà:*** Ông Đặng Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 17/2017/HS-PT ngày 18 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo: Lầu Văn G do có kháng cáo của bị cáo Lầu Văn G đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2017/HS-ST ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Lầu Văn G; tên gọi khác: không; sinh năm 1979; tại Thông Nông - Cao Bằng; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: Không; dân tộc Mông; con ông Lầu Văn C (đã chết) và bà Mua Thị C sinh năm 1942; vợ là Lầu Thị Đ, sinh năm 1977; bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/02/2017. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

Bị cáo bị kháng cáo:

Dương Văn T; tên gọi khác không; sinh năm 1992. Tại Bảo Lâm - Cao Bằng; nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: Đạo Tin lành; trình độ văn hoá 5/12; nghề nghiệp: Trồng trọt. Con ông: Dương Văn P, Sinh năm 1962 và con bà Hoàng Thị S, Sinh năm 1966; vợ: Dương Thị S, Sinh năm 1992; bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015; anh, chị, em ruột: Có 05 anh, chị, em ruột; bị cáo là con

thứ ba trong gia đình.Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 23/02/2017. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Dương Thị S; sinh năm: 1992; trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

2. Ông Lầu Văn P; sinh năm: 1956; trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

- *Ngoài ra, người bị hại không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị:* Nguyễn Văn T, Đặng Văn D, Bồn Văn C.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Giàng Cò Sính, trú tại tổ 04, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê và Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2017/HS-ST ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 17 tháng 02 năm 2017, Dương Văn T, sinh năm 1992; trú tại thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng, gọi điện thoại cho Lầu Văn G *(anh rể con Bác),* sinh năm 1979; trú tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng, mục đích là Tu rủ G đi sang huyện Bắc Mê trộm cắp trâu, khi gọi điện T nói dối là rủ G đi mua trâu, G trả lời là không có tiền, T bảo thì đi dắt trâu thuê, G đồng ý và hẹn gặp nhau tại quán bi-a thuộc thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày như đã hẹn, G đi xe máy đến gặp T tại quán bi-a, khi gặp, T bảo G ra bên ngoài quán, T đưa cho G số tiền 2.000.000 VNĐ (*Hai triệu đồng*), G cầm tiền cất vào túi quần (khi nhận tiền G không hỏi T mua trâu ở đâu, mua bao nhiêu con), sau đó Dương Văn T tiếp tục chơi bi-a, còn Lầu Văn G đứng xem. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, G đi cất xe máy của G để ở nhà em trai (khi G để xe không có ai ở nhà) tại Khu 1, thị trấn P, huyện B. Cất xe xong T và G đi chung một xe máy Biển số 23D1 - 06002, nhãn hiệu YAMAHA màu sơn Vàng - Đen của Dương Văn T đi sang huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang. Khi đến cây xăng huyện cũ Bắc Mê khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, thì dừng xe mua thuốc hút, nước uống rồi rẽ vào bên phải đường theo đường bê tông vào đến Trường tiểu học thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê thuộc thôn Bản Sáp, thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê và rẽ sang trái đường đi thôn Bản Lạn, thị trấn Yên Phú, đi đến đoạn đường vắng xa nhà dân không thấy có người qua lại, T dừng xe ở cạnh đường và bảo G ở lại trông xe, còn T đi bộ một mình lên khu đồi

(vắng người, xa nhà dân) thuộc thôn Bản Lạn, thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê nơi mà trước đó T đã đi quan sát nhiều lần từ tháng 10, tháng 11 năm 2016 và có ý định trộm cắp trâu.

Khi lên đến khu đồi, T soi đèn thấy có 01 cái lều được che bằng bạt buộc nhiều trâu, không có người trông coi, thấy vậy T gọi điện thoại cho ông Nguyễn Sơn V, trú tại thôn Tắn Khâu, xã Phú Nam, huyện Bắc Mê là người có xe ô tô chở hàng để đặt vấn đề thuê trở trâu đi huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng (*trước khi trộm cắp trâu T đã lấy số điện thoại của ông V trên cánh cửa xe của ông V ở chợ trung tâm huyện B*); hai bên thống nhất thỏa thuận bằng miệng với giá cước là 1.300.000đ *(Một triệu ba trăm nghìn đồng)*. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, ông V điều khiển xe ô tô trọng tải 1,4 tấn, nhãn hiệu THACO, màu sơn xanh, đi theo sự chỉ dẫn của T đến mặt đường bê tông trước cổng trường tiểu học thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê đợi.

Sau khi thỏa thuận thuê xe ô tô xong, T đi vào lều và cởi dây 02 con trâu cái màu lông đen dắt xuống đường, còn 01 con trâu nghé tự đi theo sau và T buộc 02 con trâu vào gốc cây gần đường rồi T quay lại chỗ cũ cởi dây và dắt tiếp 02 con trâu đực màu lông đen đi xuống vị trí buộc 02 con trâu cái trước đó. Khi tập kết được 05 con trâu vừa dắt trên đồi xuống T gọi điện thoại và chỉ dẫn cho G lên để dắt trâu xuống nơi hẹn ô tô đã chờ sẵn.

Khi Lầu Văn G lên đến vị trí buộc trâu, G thấy số lượng trâu quá nhiều, G biết T không có tiền để mua nhiều trâu như vậy nên G nghi ngờ và hỏi T: *"mày lấy trâu ở đâu mà nhiều thế",* T trả lời *" lấy ở trên đồi dắt trâu đi nhanh lên"*. Khi đó, G đã biết là T không phải đi mua trâu mà đã trộm cắp số trâu này, nhưng G vẫn giúp T dắt trâu vì G đã nhận tiền của T, T bảo G cởi dây 01 con trâu cái dắt đi trước, T đuổi 04 con trâu theo sau đi ra đến cổng trường tiểu học thị trấn Yên Phú thì thấy 01 chiếc xe ô tô của anh Nguyễn Sơn V và anh Nguyễn Văn N (*em trai ông V*) đang chờ ở đó, T bảo anh V lùi đít xe ô tô vào ta ly ngay sát cổng trường, rồi T, G và anh N dắt, đuổi 05 con trâu lên xe ô tô buộc lại và đóng cửa thùng, T bảo anh V chở trâu đến đầu cầu treo thuộc xóm Nà Ca, thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng (anh V nghĩ là trâu đi mua nên trong quá trình lấy trâu lên xe anh V, anh N không hỏi về nguồn gốc số trâu trên). Sau khi cho trâu lên xe ô tô theo sự chỉ dẫn của T, hai anh em V, N lái xe ô tô chở trâu đi trước, còn T quay lại vị trí để xe máy lấy xe và chở G đi theo sau. Trong lúc đuổi trâu lên xe nhìn thấy trâu đẹp nên khi đến khu vực thủy điện huyện Bắc Mê thấy T và G đi xe máy vượt xe ô tô đi trước, anh V gọi T dừng lại và gạ mua 02 con trâu đực, nhưng T không bán, rồi tiếp tục lái xe đi theo hướng huyện Bảo Lâm như đã thỏa thuận. Trên đường về T bảo G gọi điện cho ông Lầu Văn P *(bố vợ G),* trú tại thôn Nà Viềng, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm xuống đầu cầu treo giúp dắt trâu *(ông P ở cùng thôn với T).*

Khoảng 23 giờ cùng ngày, xe ô tô chở trâu đến gần đầu cầu treo thuộc xóm Nà Ca, thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng thì T cùng ông N mở thùng xe dắt trâu xuống và buộc vào cột điện gần đường, rồi T đưa tiền cho ông V

1.300.000đ *(Một triệu ba trăm nghìn đồng)* tiền cước xe như đã thỏa thuận, nhận tiền xong ông V và ông N lái xe ô tô đi về. Sau đó ông P đến để giúp dắt trâu, ông P hỏi T "*mua trâu ở đâu*" thì T trả lời "*mua ở Bắc Mê*", rồi T bảo ông P dắt hộ 01 con trâu cái với con trâu nghé đi qua cầu trước, tiếp đến G dắt 01 con trâu cái theo sau và T đuổi 02 con trâu đực đi theo sau. Khi dắt hết 05 con trâu qua cầu thì G đưa trâu cho T dắt rồi G đi bộ về Khu 1, thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm lấy xe máy để từ chiều đi về nhà và cất số tiền T đưa cho vào trong túi vải và cất vào tủ. Còn T và ông P dắt 05 con trâu về buộc nhờ ở chuồng trâu nhà ông P (*vì nhà T không có chuồng)* rồi T đi về nhà ngủ.

Đến sáng ngày 18/02/2017, T đi bộ xuống đầu cầu treo để lấy xe máy, trên đường về ông P có gọi điện thoại cho T gạ mua trâu thì T đồng ý và đi lên chuồng trâu nhà ông P, hai bên thống nhất việc mua bán. T bán cho ông P 01 con trâu cái và 01 con trâu nghé với giá 23.000.000đ (*hai mươi ba triệu đồng),* nhưng ông P chưa đưa tiền cho T, thống nhất xong T dắt 02 con trâu đực đi về nhà và gửi lại chuồng trâu nhà ông P 01 con trâu cái. Sáng ngày 19/02/2017, T gọi điện hẹn ông P để thống nhất trả số tiền mà T đã vay của ông P trước đó *(vay ngày 16/02/2017)* số tiền 26.000.000đ *(Hai mươi sáu triệu đồng),* sau khi gọi điện thoại xong T dắt 01 con trâu đực sang chuồng trâu nhà ông P, hai bên thống nhất T trả nợ cho ông P bằng 01 con trâu đực và 01 con trâu cái với giá 26.000.000đ (*Hai mươi sáu triệu đồng*) để gạt nợ số tiền mà T đã vay của ông P, còn 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*) ông P nợ. T biết ông P có tiền *(vì ông P vừa bán trâu của gia đình tại chợ trung tâm huyện Bảo Lâm)* và T đã có chủ định vay tiền của ông P sau đó đi trộm cắp trâu ở huyện Bắc Mê về bán trả nợ cho ông P để lấy số tiền trên, nên T đã nói dối ông P hỏi vay số tiền 26.000.0000đ (*Hai mươi sáu triệu đồng*) nói là để trả nợ ngân hàng. Sau khi được ông P cho vay tiền vì sợ vợ biết nên T không đem số tiền trên về nhà mà đưa số tiền trên cho Thào A L; thường trú tại xóm Lũng Chang, xã Tân Việt, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng giữ hộ). Ngày18/02/2017, G có đến nhà ông Lầu Văn P *(bố vợ của G)* ông P nói với G có mua của T 02 con trâu với giá 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*) G biết là trâu T trộm cắp nhưng G không nói cho ông P biết.

Biên bản khám nghiệm hiện trường, ngày 20/02/2017 và biên bản xác định hiện trường ngày 14/3/2017 xác định nơi xảy ra vụ mất trộm tài sản (trâu) là ở khu vực chăn thả đồi núi, thuộc vườn rừng của gia đình ông Nguyễn Văn T thôn Bản Lạn, thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê, khu đồi vắng người, xa nhà dân.

Tại Kết luận số 03 ngày 24/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Mê kết luận: Tổng cộng giá trị của 05 con trâu là 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*).

Về trách nhiệm dân sự: 05 con trâu các bị cáo trộm cắp, được xác định là số trâu của gia đình các bị hại và đã được trả lại cho gia đình các bị hại, cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; trú tại thôn B, thị trấn Y, huyện Bắc Mê 02 con trâu gồm: 01 con trâu cái 10 tuổi, có sắc lông màu đen, sừng dài 40cm và 01 con trâu nghé khoảng 04 tháng tuổi, có sắc lông màu đen, sừng dài 03cm;

- Ông Đặng Văn D, sinh năm 1963, trú tại: thôn Y, Thị trấn Y, huyện Bắc Mê 02 con trâu gồm: 01 con trâu đực 03 tuổi, có sắc lông màu đen, sừng dài 30cm và 01 con trâu cái 6 tuổi, có sắc lông màu đen, sừng dài 35cm.

- Ông Bồn Văn C, sinh năm 1979, trú tại thôn Y, Thị trấn Y, huyện Bắc Mê bị mất 01 con trâu đực 3 tuổi, có sắc lông màu đen, sừng dài 25cm.

Ngoài ra, chị Dương Thị S là vợ của bị cáo Dương Văn T đã gặp và thỏa thuận với các bị hại về bồi thường cho gia đình các bị hại đi tìm trâu trong thời gian trâu bị mất số tiền: Ông Nguyễn Văn T 8.000.000đ, ông Đặng Văn D 8.000.000đ, ông Bồn Văn C 5.500.000đ. Hiện nay, các bị hại không có yêu cầu đề nghị xem xét về trách nhiệm dân sự.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 26.000.000đ bị cáo T vay của ông Lầu Văn P, sau đó T trả cho ông P 02 con trâu; 2.000.000đ T thuê G đi dắt trâu cho T; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA(Sirius) màu sơn vàng- đen; BKS: 23D1-06002; 01 đăng ký mô tô, xe máy số 005457 cấp ngày 20/4/2012 T sử dụng đi đến địa điểm trộm cắp trâu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT vỏ màu đen, nắp sau màu đỏ thu của T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LANDRDVER màu đen thu của G.

01 đoạn gậy dài 58cm; đường kính 0,5cm; đầu đoạn gậy quấn bằng dây cao su mầu đen; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện; 01 đèn pin vỏ màu đỏ loại có dây để treo đầu các bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội.

Cáo trạng số 07/ CT - VKS ngày 07 tháng 06 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê đã truy tố bị cáo Dương Văn T và Lầu Văn G về tội: Trộm cắp tài sản theo điểm e, khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự số 06/2017/HSST ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T; Lầu Văn G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn T 30 (*Ba mươi)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 23/02/2017.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lầu Văn G 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 23/02/2017.

3.Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 28.000.000, đồng (*Hai mươi tám triệu đồng chẵn*); 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA(Sirius) màu sơn vàng- đen; BKS: 23D1- 06002; 01 đăng ký mô tô, xe máy số 005457 cấp ngày 20/4/2012; 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT vỏ màu đen, nắp sau màu đỏ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LANDRDVER màu đen.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu huỷ: 01 đoạn gậy dài 58cm; đường kính 0,5cm; đầu đoạn gậy quấn bằng dây cao su mầu đen; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện; 01 đèn pin vỏ màu đỏ loại có dây để treo đầu các bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự: Trả cho Dương Văn T 01 giấy phép lái xe mang tên Dương Văn T.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/7/2017, bị cáo Lầu Văn G có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo: Ngày 25/7/2017, ông Lầu Văn P có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị trả cho ông số tiền 26.000.000đ bị cáo T vay của ông nhưng cấp sơ thẩm đã tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Ngày 31/7/2017, bà Dương Thị S, kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho chồng bà là Dương Văn T được xử phạt hành chính hoặc xin được hưởng án treo, trả lại chiếc xe máy của gia đình bà, trả số tiền 26.000.000đ vay của ông P, để gia đình bà trả lại cho ông P.

Tại phiên tòa, bị cáo Lầu Văn G, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lầu Văn P, bà Dương Thị S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang sau khi phân tích về tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo Lầu Văn G và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; xem xét đến vật chứng của vụ án đã Kết luận, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 248; điểm d, đ khoản 1 Điều 249 BLTTHS, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo Lầu Văn G và chấp nhận kháng cáo của bị cáo G về xin được hưởng án treo. Xử phạt bị cáo Lầu Văn G 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm Điều 41 Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tuyên trả lại cho Chị Dương Thị S 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA(Sirius) màu sơn vàng- đen; BKS: 23D1- 06002; 01 đăng ký mô tô, xe máy số 005457 cấp ngày 20/4/2012; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện; trả lại cho ông Lầu Văn P số tiền 26.000.000đ.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Văn T, Lầu Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Bản án số 06/2017/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang đã xét xử bị cáo Dương Văn T và Lầu Văn G phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo Dương Văn T 30 tháng tù, xử phạt bị cáo Lầu Văn G 24 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Nội dung kháng cáo của Bị cáo Lầu Văn G xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, xét thấy: Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ mục đích tư lợi cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý phạm tội. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp nghiêm trọng; trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại; gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện Bắc Mê nói chung và thị trấn Yên Phú nói riêng.

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Lầu Văn G, cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện về tính chất, động cơ, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự của bị cáo trong việc thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo sống trong vùng có điều kiện khó khăn, là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đã áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo không có tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Lầu Văn G 24 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Vì

vậy, nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo G là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Về nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức, dắt trâu thuê cho bị cáo T; bản thân bị cáo không được bàn bạc gì với T về việc đi trộm trâu; chỉ khi T gọi lên đổi dắt trâu, bị cáo mới đoán biết được T trộm cắp trâu và thuê bị cáo dắt. Về tài sản trộm cắp 05 con trâu của các bị cáo trị giá 120.000.000đ, hiện nay đã được trả lại cho người bị hại, về hậu quả thiệt hại đã được khắc phục xong. Bị cáo phạm tội lần đầu, quá trình tạm giam và tại phiên tòa bị cáo đã tỏ rõ sự ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin hứa quyết tâm sữa chữa lỗi lầm đã gây ra; hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, vợ con đau yếu thường xuyên, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương; vì vậy, chưa cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo G về xin được hưởng án treo.

Trong vụ án này, cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn nhưng không áp dụng Điều 20, Điều 53 BLHS để quyết định hình phạt là còn thiếu sót. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần bổ sung cho đầy đủ theo quy định của pháp luật.

[3] Nội dung kháng cáo của chị Dương Thị S về xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Dương Văn T là chồng của chị. Theo quy định tại Điều 231 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chị S không có quyền kháng cáo về hình phạt đối với bị cáo T. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Nội dung kháng cáo đề nghị trả lại chiếc xe máy cho chị S cấp sơ thẩm đã tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: Tại phiên tòa, chị S và bị cáo T đều khai và xác nhận, chiếc xe máy bị tịch thu là mua của anh Sầm Văn M, trú tại thôn N, xã N, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng, cơ quan điều tra đã đi xác minh về nguồn gốc chiếc xe máy gia đình chị S mua là hợp pháp. Hiện nay, chưa được làm thủ tục sang tên đổi chủ cho gia đình chị S; nguồn gốc tiền mua chiếc xe máy là do bố mẹ của chị S cho con trâu khi hai vợ chồng ra ở riêng và hai vợ chồng đã bán trâu đi để mua xe máy. Do đó, chiếc xe máy được xác định là tài sản chung của vợ chồng chị S, không phải là tài sản riêng của bị cáo T. Mặt khác, bị cáo T sử dụng chiếc xe máy đi đến địa điểm trộm cắp trâu chị S không được biết. Hiện nay, gia đình chị S hoàn cảnh rất khó khăn, chiếc xe máy là phương tiện duy nhất để sử dụng chung vào việc đi lại của gia đình. Vì vậy, cần tuyên trả lại chiếc xe máy cho gia đình chị S.

[4] Về nội dung kháng cáo của ông Lầu Văn P đề nghị trả cho ông số tiền 26.000.000đ bị cáo T vay của ông, cấp sơ thẩm đã tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: Tại phiên tòa bị cáo T và ông P đều khai, ngày 16/02/2017, bị cáo T có đến hỏi vay ông P số tiền 26.000.000đ để trả nợ ngân hàng, số tiền này ông P đã bán trâu của gia đình vào dịp Rằm tháng Giêng năm 2017. Ngày 17/02/2017, sau khi T trộm cắp được 05 con trâu, T đã bán cho ông P 02 con trâu vào ngày 18/02/2017 với giá 23.000.000đ, T cho ông P nợ tiền; đến ngày 19/02/2017, T có thỏa thuận bán thêm cho ông P 02 con trâu với giá 26.000.000đ và thỏa thuận gán nợ số tiền T đã vay của ông P, nhưng ông P chưa trả lời T là có nhất trí cho T gán nợ số tiền 26.000.000đ hay không thì T bị bắt. Việc thỏa thuận mua bán 02 con trâu trị giá 26.000.000đ giữa bị cáo T và ông P không có người làm chứng, không có giấy tờ mua bán trâu về việc thỏa thuận gán nợ số tiền 26.000.000đ, ông P không biết 02 con trâu T thỏa thuận bán cho ông P là trâu T trộm cắp. Tại phiên tòa phúc thẩm ông P không thừa nhận là đã nhất trí việc gán nợ số tiền 26.000.000đ mua 02 con trâu cho bị cáo T. Cấp sơ thẩm xác định số tiền T vay của ông P 26.000.000đ vào ngày 16/02/2017 và đã gán nợ 02 con trâu cho ông P là tiền thu lợi bất chính của T để tịch thu sung quỹ Nhà nước là chưa đủ căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T và chị S cho rằng số tiền 26.000.000đ bị cáo T vay của ông P không liên quan đến vụ án, cùng nhất trí đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho ông P số tiền 26.000.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo T, chị S và nội dung kháng cáo của ông Lầu Văn P.

[5]Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Lầu Văn G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị S, ông Lầu Văn P được HĐXX phúc thẩm chấp nhận, nên bị cáo G, chị S, ông P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; điểm d, đ khoản 1 Điều 249 BLTTHS.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lầu Văn G, Dương Thị S, Lầu Văn P. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2017 ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê như sau:

- *Tuyên bố:* Các bị cáo Dương Văn T, Lầu Văn G phạm tội " Trộm cắp tài sản".

- *Hình phạt:* Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Văn T. Xử phạt bị cáo Dương Văn T 30 *(Ba mươi)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo, ngày 23/02/2017.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lầu Văn G. Xử phạt bị cáo Lầu Văn G 24 *(Hai mươi bốn)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lầu Văn G cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Lầu Văn G có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 41Bộ luật hình sự : Tuyên trả lại tài sản cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

Trả lại cho chị Dương Thị S, trú tại Thôn V, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA(Sirius) màu sơn vàng- đen; BKS: 23D1- 06002; 01 đăng ký mô tô, xe máy số 005457 cấp ngày 20/4/2012; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện.

Trả lại cho ông Lầu Văn P trú tại thôn V, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền 26.000.000đ *(Hai mươi sáu triệu đồng).*

Trả lại cho bị cáo Dương Văn T 01 giấy phép lái xe mang tên Dương Văn T.

- Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng);* 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT vỏ màu đen, nắp sau màu đỏ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LANDRDVER màu đen.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn gậy dài 58cm; đường kính 0,5cm; đầu đoạn gậy quấn bằng dây cao su mầu đen; 01 đèn pin vỏ màu đỏ loại có dây để treo đầu.

(Về tình trạng của vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/6/2017 giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Bắc Mê với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang).

3.Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; Danh mục án phí, lệ phí

Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bị cáo Lầu Văn G, chị Dương Thị S, ông Lầu Văn P không phải chịu tiền án phí Hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 06/2017/HS-ST ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang về án phí hình sự sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Mê;
- TAND huyện Bắc Mê;
- Chi cục THADS huyện Bắc Mê;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Loan